

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/DS -ST

Ngày: 08-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Lâm.

2/ Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1/ Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1973. (có mặt)

2/ Ông **Phan Hoàng N**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- **Người làm chứng:** Chị **Hồ Thị Ngọc H**, sinh năm 1995. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn Đ trình bày:

Giữa anh và bà Nguyễn Thị Đ là chỗ quen biết nhau. Vào ngày 23/12/2022 dương lịch, bà Đ có hỏi vay của anh số tiền 60.000.000đ, mục đích vay tiền để bà Đ mua bưởi, lãi suất 2%/tháng, chỉ thoả thuận bằng lời nói khi nào anh cần thu hồi vốn thì bà Đ sẽ trả đủ số tiền vốn và lãi tính từ ngày hỏi vay. Việc vay tiền có làm giấy tay cùng ngày. Đến tháng 5/2023 dương lịch bà Đ tiếp tục hỏi vay 30.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, vay để làm ăn, bà Đ hứa khi nào anh Đ cần thu hồi vốn sẽ cho hay trước 01 tháng. Việc vay không có làm biên nhận, chỉ thoả thuận bằng lời nói.

Để đảm bảo khoản tiền vay, phía bà Đ có giao cho anh giữ làm tin 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 240, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.940,6m², đất tọa lạc ấp Cống Đá, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long do ông Phan Hoàng N đứng tên.

Khi anh cần thu hồi vốn, anh có cho bà Đ hay trước 01 tháng nhưng bà Đ không trả tiền cho anh mà cứ hứa hẹn nhiều lần. Hiện nay anh cần vốn để làm ăn kinh doanh nhưng bà Đ vẫn không trả số tiền đã vay và không thực hiện đúng như lời đã hứa.

Nay anh khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và ông Phan Hoàng N có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vay còn nợ tổng cộng là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) và lãi suất 1,66%/tháng (Tính từ 23/12/2022 dương lịch đến ngày 23/12/2023 dương lịch là 12 tháng): $90.000.000đ \times 1,66\% \times 12 \text{ tháng} = 17.928.000đ$. Tổng cộng vốn, lãi bằng 107.928.000đ. Đồng thời yêu cầu tiếp tục trả lãi theo lãi suất 1,66% cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Trường hợp bà Đ, ông N trả đủ tiền cho anh thì anh sẽ trả lại bà Đ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 240, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.940,6m², đất tọa lạc ấp Cống Đá, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long do ông Phan Hoàng N đứng tên.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Vào khoảng đầu năm 2023, bà có cho ông Nguyễn Văn C mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà (do ông Phan Hoàng N đứng tên) để ông C vay tiền của anh Đ, sau đó tại quán cà phê chợ Hựu Thành nhận thêm 30.000.000đ, tổng cộng 02 lần là 60.000.000đ, cả 02 lần là anh Đ giao cho ông C nhận, bà có chứng kiến nên anh Đ kêu bà ký nhận vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của bà. Việc bà cho ông C mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà lén lút ông N cho ông C mượn, ông N không biết và không có liên quan gì. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý vì khi thoả thuận vay, giao nhận tiền thì giữa anh Đ và ông C còn bà chỉ ký tên dùm cho ông C vay số tiền chỉ có 02 lần là 60.000.000đ.

Tại văn bản (Biên bản hoà giải) ngày 11/4/2024, bị đơn bà Đ thừa nhận có ký biên nhận vay tiền của anh Bùi Văn Đ 02 lần, mỗi lần 30.000.000đ, tổng cộng số tiền 60.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/5/2024, nguyên đơn anh Đ trình bày: Số tiền anh cho bà Đ vay vào tháng 01/2023 là 30.000.000đ, không có làm biên nhận nhưng anh có quay video. Tất cả các lần vay tiền thì bà Đ là người trực tiếp vay từ anh, bà Đ vay lén không cho ông N biết. Giữa bà Đ và ông N là vợ chồng, khi bà Đ vay tiền có thể chấp cho anh 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Hoàng N đứng tên. Theo nội dung đơn khởi kiện anh yêu cầu bà Đ và ông N có N vụ liên đới trả cho anh số tiền vay. Nay anh chỉ yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vay còn nợ do việc vay này chỉ bà Đ biết, ông N không biết việc bà Đ vay tiền của anh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2024, người làm chứng chị Hồ Thị Ngọc H trình bày: Chị có quan hệ quen biết với anh Đ và bà Đ, việc bà Đ vay tiền của anh Đ thì chị có chứng kiến 02 lần nhưng ngày tháng cụ thể thì chị không nhớ rõ:

Lần vay 60.000.000đ có làm biên nhận, việc giao nhận tiền tại quán cà phê xã Thới Hoà do bà Đ nhận tiền trực tiếp từ anh Đ.

Lần vay 30.000.000đ không làm biên nhận nhưng anh Đ có quay video, bà Đ trực tiếp nhận tiền từ anh Đ và bà Đ có thể chấp cho anh Đ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Lần vay này chị là người trực tiếp đi cùng với bà Đ đến nhà anh Đ và việc giao nhận tiền cũng tại nhà anh Đ ở ấp N, xã T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đ trình bày: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vay vốn còn nợ tổng cộng là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*). Anh xin rút lại đối với yêu cầu bà Đ trả lãi trên số tiền vốn vay. Trường hợp bà Đ trả đủ tiền cho anh thì anh sẽ trả lại bà Đ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 240, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.940,6m², đất tọa lạc ấp Công Đá, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long do ông Phan Hoàng N đứng tên.

Bị đơn bà Đ trình bày: Bà thừa nhận ngày 21/12/2022, bà có vay của anh Đ số tiền 30.000.000đ tại nhà anh Đ. File video mà anh Đ cung cấp cho Tòa án bà thừa nhận đúng hình ảnh và lời nói của bà trong đoạn video. Đến ngày 23/12/2022 có vay thêm 30.000.000đ, bà có ký biên nhận nhưng biên nhận ghi 60.000.000đ bà không biết. Do bà sơ suất ký biên nhận 60.000.000đ mà không xem rõ số tiền thực tế vay nên nay bà đồng ý trả cho anh Đ số tiền vay còn nợ 90.000.000đ nhưng xin trả dần. Đồng thời bà yêu cầu anh Đ trả lại cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Hoàng N đứng tên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều: 70, 71, 73, 78, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 116, 119, 122, 129, 131, 298, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

+ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Văn Đ về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trả lãi trên số tiền vốn vay.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Văn Đ. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả anh Bùi Văn Đ số tiền vay vốn còn nợ 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

+ Vô hiệu hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất được giao kết bằng lời nói giữa anh Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ đối với phần đất thửa 240, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.940,6m², địa chỉ: ấp Cống Đá, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CC 016971, sổ vào sổ cấp GCN: CS03083, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Phan Hoàng N vào ngày 22/5/2017.

+ Buộc anh Bùi Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CC 016971, sổ vào sổ cấp GCN: CS03083, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Phan Hoàng N đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.940,6m², địa chỉ: ấp Cống Đá, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/5/2017.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ nộp 4.500.000đ. Hoàn trả anh Bùi Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.698.000đ theo biên lai thu số 0011073 ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã được tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh Bùi Văn Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Phan Hoàng N có địa chỉ cư trú ấp C, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long trả lại số tiền vay còn nợ. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh

Long. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn ông Phan Hoàng N có đơn xin vắng mặt ngày 11/4/2024.. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Từ ngày 21/12/2022 đến ngày 23/12/2022, anh Bùi Văn Đ có cho bà Nguyễn Thị Đ vay tiền, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay nên bà Đ giao cho anh Đ giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Phan Hoàng N đứng tên. Tổng cộng bà Đ vay của anh Đ là 02 lần, lần đầu vay 30.000.000đ không viết biên nhận, lần 2 vay 60.000.000đ có viết biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Phía nguyên đơn cung cấp 01 USB có chứa nội dung quay lại việc bà Đ vay 30.000.000đ và có người làm chứng kiến việc anh Đ cho bà Đ vay tiền và có giao anh Đ giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Hoàng N đứng tên. Phía bị đơn bà Đ thừa nhận có ký vào biên nhận vay của anh Đ là 60.000.000đ, nhưng ký vay dùm ông Nguyễn Văn C. Đối với số tiền 30.000.000đ là không có, nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà cho ông Nguyễn Văn C mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền từ anh Bùi Văn Đ và ông C là người trực tiếp nhận số tiền vay từ anh Đ. Mặt khác bị đơn bà Đ không phản đối file video do nguyên đơn cung cấp và thừa nhận hình ảnh, lời nói trong file video là của bà và bà có giao cho anh Đ giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Hoàng N đứng tên. Do vậy thực tế việc bà Đ vay của anh Đ 90.000.000đ là sự thật có xảy ra, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét quá trình thực hiện hợp đồng đến nay bị đơn bà Đ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó việc nguyên đơn anh Đ yêu cầu bị đơn bà Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay còn nợ 90.000.000đ là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn bà Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Đ số tiền vay còn nợ vốn là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

Xét yêu cầu tính lãi: Tại phiên toà nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn bà Đ trả lãi trên số tiền vốn vay nên Hội đồng xét xử xét đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Văn Đ về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trả lãi trên số tiền vốn vay 90.000.000đ.

[2.4] Xét việc bà Đ giao anh Đ giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Hoàng N đứng tên để đảm bảo cho khoản tiền vay là không đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ, việc thế chấp quyền sử dụng đất phải được đăng

ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực. Xét bà Đ yêu cầu anh Đ giao trả lại cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Hoàng N đứng tên và anh Đ cũng đồng ý giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ nên Hội đồng xét xử xét vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/12/2022 giữa anh Đ và bà Đ, buộc anh Đ có nghĩa vụ trả lại bà Đ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Hoàng N đứng tên là phù hợp theo quy định tại các Điều 116, 119, 122, 129, 131, 317, 318, 298 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể bà Đ phải nộp $90.000.000đ \times 5\% = 4.500.000đ$ (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.698.000đ (*Hai triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0011073 ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[2.6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 116, 117, 119, 122, 129, 131, 298, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Văn Đ về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền lãi trên số tiền vốn đã vay 90.000.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Bùi Văn Đ.

2.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả nguyên đơn anh Bùi Văn Đ số tiền vay vốn còn nợ 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Vô hiệu hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất được giao kết ngày 23/12/2022 giữa anh Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ đối với phần đất thửa 240, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.940,6m², địa chỉ: ấp Cống Đá, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CC 016971, số vào sổ cấp GCN: CS03083, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Phan Hoàng N vào ngày 22/5/2017.

Buộc anh Bùi Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CC 016971, số vào sổ cấp GCN: CS03083, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Phan Hoàng N đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.940,6m², địa chỉ: ấp Cống Đá, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/5/2017.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ nộp 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*).

3.2. Hoàn trả anh Bùi Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.698.000đ (*Hai triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0011073 ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An